TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HS-PT
Ngày 26 - 02 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**
Các Thẩm phán: Ông **Châu Văn Mỹ**
Ông **Trần Quang Khang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Tuấn Duy**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Trần Ngọc Lin**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 133/2020/TLPT-HS ngày 30 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Trương Thị N và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2020/HS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Trương Thị N**, sinh năm 1961 tại H, Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Trương Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1933; có chồng tên Lê Văn M, sinh năm 1960 và có 07 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020 cho tại ngoại đến nay, (có mặt).

2. Họ và tên: **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1976 tại V, Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp V 1, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1945 và bà Đặng Thị E, sinh năm 1950; có chồng tên Châu Sơn H, sinh năm 1974 và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020 cho tại ngoại đến nay, (có mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1969 tại H, Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X (đã chết) và bà Nguyễn Thị U (đã chết); có chồng tên Trương Văn T, sinh năm 1967 và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020 cho tại ngoại đến nay, (có mặt).

4. Họ và tên: **Nguyễn Thị Đ1**, sinh năm 1972 tại V, Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 và bà Trương Thị H, sinh năm 1954; có chồng tên Trần Văn Q, sinh nă 1970 và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020 cho tại ngoại đến nay, (có mặt).

5. Họ và tên: **Trương Thị Thúy A**, sinh năm 1981 tại H, Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Trương Văn P (đã chết) và bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1951; có chồng tên Lê Hoàng K, sinh năm 1979 và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020 cho tại ngoại đến nay, (có mặt).

6. Họ và tên: **Lê Thị L**, sinh năm 1977 tại V, Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lê Văn S (đã chết) và bà Trịnh Thị Q (đã chết); có chồng tên Phạm Văn Q, sinh năm 1970 và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

7. Họ và tên: **Trương Thị H1**, sinh năm 1954 tại H, Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Trương Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1933; có chồng tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1951 và 07 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị H: Ông **Nguyễn Thanh Hải** là Luật sư của Công ty Luật hợp danh Trung Phú Cần Thơ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cần Thơ, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 21/5/2020, Trương Thị Thúy A đi lại nhà của Trương Thị H1 đầu tiên rồi lần lượt đến Nguyễn Thị Đ, Trương Thị N và Lê Thị L.

Trương Thị H1 lấy chiếu trải ở nhà sau, lấy bài ra và lấy phích nước cho mọi người uống, nếu ai làm cái thắng thì đưa xâu từ 10.000đ đến 20.000đ. A, Đ, N và L ngồi đánh bài binh ấn độ 06 lá ăn tiền. N làm cái cho mọi người đặt tụ. Sau khi đánh được khoảng 30 phút thì Nguyễn Thị Đ1, Huỳnh Thị H cùng đến tham gia đánh bài ăn tiền, mỗi bàn ăn thua từ 50.000đ đến 200.000đ, quá trình chơi chỉ có Đ1, L và N làm cái xoay vòng mỗi người làm cái từ 2-3 bàn thì chuyển cho người khác. Khi chuyển cho người khác làm cái thì đưa tiền xâu cho H1 10.000đ đến 20.000đ, trong đó N đưa tiền xâu cho H1 02 lần, mỗi lần 20.000đ, L đưa tiền xâu cho H1 01 lần 20.000đ. Sau đó, L chuyển cho N làm cái thì L nghỉ nằm võng gần đó vì đau lưng, N làm cái được một bàn thì thì bị Công an xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân bắt quả tang hành vi đánh bạc. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là: 6.296.000đ, trong đó: bị cáo N là 1.700.000đ; bị cáo Đ1 là 663.000đ; bị cáo H là 1.250.000đ; bị cáo Thúy A là 500.000đ; bị cáo Đ là 973.000đ; bị cáo L là 1.150.000đ và bị cáo H1 là 60.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2020/HS-ST ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Trương Thị N, Huỳnh Thị H, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Đ1, Trương Thị Thúy A, Lê Thị L, Trương Thị H1 phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Thị N và bị cáo Huỳnh Thị H, mỗi bị cáo 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt các bị cáo đi chấp hành án nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ1 03 (ba) tháng tù thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt các bị cáo đi chấp hành án nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020

Xử phạt bị cáo Trương Thị H1 và bị cáo Lê Thị L, mỗi bị cáo 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt các bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Thúy A và bị cáo Nguyễn Thị Đ, mỗi bị cáo 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt các bị cáo đi chấp hành án nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020.

Ngoài ra còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/11/2020 các bị cáo Trương Thị Thúy A, Nguyễn Thị Đ, Huỳnh Thị H, Lê Thị L kháng cáo xin hưởng án treo; các bị cáo Nguyễn Thị Đ1, Trương Thị H1 kháng cáo xin hưởng án treo, phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ; bị cáo Trương Thị N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin

hưởng án treo, phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ. Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong thời hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận và đưa ra xét xử là hợp lệ.

- Về nội dung: Sau khi phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, nội dung kháng cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự số: 33/2020/HS-ST ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị H trình bày: Bị cáo Hạnh có hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế, đơn chiếc, bị cáo có cha là thương binh hạng ¾ đồng thời được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo mà chưa được cấp sơ thẩm áp dụng. Xét thấy bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và theo quy định tại Nghị quyết số 02 ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao bị cáo cũng đã đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Hạnh, xử phạt bị cáo H 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo đúng về thể thức và thời hạn nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trương Thị N, Huỳnh Thị H, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Đ1, Trương Thị Thúy A, Lê Thị L, Trương Thị H1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng hơn 13 giờ ngày 21/5/2020, các bị cáo Trương Thị Thúy A, Nguyễn Thị Đ, Trương Thị N, Lê Thị L, Nguyễn Thị Đ1 và bị cáo Huỳnh Thị H đã đánh bài binh Ấn Độ 06 lá thắng thua bằng tiền tại nhà của bị cáo Trương Thị H. Bị cáo H lấy bài và chiếu ra trải ở nhà sau cho các bị cáo khác đánh bài và đã nhận 60.000đ tiền xâu. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc khi bị bắt quả tang là 6.296.000đ trong đó: Bị cáo N là 1.700.000đ; bị cáo Đ1 là 663.000đ; bị cáo H là 1.250.000đ; bị cáo Thúy A là 500.000đ; bị cáo Đ là 973.000đ; bị cáo L là 1.150.000đ và bị cáo H1 là 60.000đ. Do đó, án sơ thẩm xét xử các bị cáo Trương Thị N, Huỳnh Thị H, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Đ1, Trương Thị Thúy A, Lê Thị L, Trương Thị H1 phạm tội

"Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của các bị cáo Trương Thị Thúy A, Huỳnh Thị H, Nguyễn Thị Đ, Lê Thị L, Nguyễn Thị Đ1, Trương Thị H1, Trương Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an tại địa phương, là nguyên nhân gián tiếp làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, là một trong những tệ nạn xã hội cần được bài trừ, nên cần phải xử lý nghiêm để răn đe và phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt cho các bị cáo, án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng và xem xét đến vai trò, số tiền dùng vào việc đánh bạc của từng bị cáo, từ đó đã có mức hình phạt tương xứng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không ai phát sinh thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị cáo mà cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu là giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo H về việc áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự thì "Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ". Ở đây bị cáo H là con của ông Huỳnh Văn T - là thương binh hạng ¾, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì chứ không phải là con của liệt sĩ và bị cáo cũng không phải là người có công với cách mạng nên không thỏa điều kiện để áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Do đó, đề nghị này của người bào chữa cho bị cáo H không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Các bị cáo Trương Thị N, Huỳnh Thị H, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Đ1, Trương Thị Thúy A, Lê Thị L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Riêng bị cáo Trương Thị H1 là người cao tuổi và có yêu cầu được miễn án phí phúc thẩm nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2020/HS-ST ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Thị N, Huỳnh Thị H, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Đ1, Trương Thị Thúy A, Lê Thị L, Trương Thị H1, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2020/HS-ST ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố bị cáo Trương Thị N, Huỳnh Thị H, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Đ1, Trương Thị Thúy A, Lê Thị L, Trương Thị H1 phạm tội "Đánh bạc".

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Thị N 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị H 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ1 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Thị H1 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị L 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Thúy A 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020.

9. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020.

10. Về án phí: Căn cứ các điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trương Thị N, Huỳnh Thị H, Nguyễn

Thị Đ, Nguyễn Thị Đ1, Trương Thị Thúy A, Lê Thị L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Trương Thị H được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

11. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2020/HS-ST ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- VKSND huyện Hồng Dân (01 bản);
- TAND huyện Hồng Dân (16 bản);
- CQĐT huyện Hồng Dân (01 bản);
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Các bị cáo (07 bản);
- Người bào chữa (01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Trần Quỳnh Phương